Sign In

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 120/2009/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2009*

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thi hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế;

Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn quản lý hải quan đối với kinh doanh bán hàng miễn thuế.

**Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

Thương nhân, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung quy định tại Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quy chế).

**Điều 3. Hàng hóa kinh doanh bán tại cửa hàng miễn thuế và một số quy định đặc thù**

1. Hàng hóa kinh doanh bán tại cửa hàng miễn thuế bao gồm:

- Hàng hóa nhập khẩu chưa nộp thuế, được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế, là hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu và được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

2. Hàng hóa nhập khẩu chưa nộp thuế đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được quản lý theo chế độ hàng tạm nhập và được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng nhập khẩu. Thủ tục nhập khẩu thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế.

3. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế và hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được coi là hàng hóa xuất khẩu và quản lý theo chế độ hàng tạm xuất, được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu. Thủ tục xuất khẩu thực hiện tại tại Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế.

4. Trường hợp thương nhân cần kéo dài thời hạn hàng tạm nhập, hàng tạm xuất nêu tại khoản 2, 3 Điều này, thương nhân có văn bản đề nghị gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế để được xem xét gia hạn, thời hạn gia hạn 01 lần không quá 180 ngày cho một lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo hợp đồng mua bán.

6. Thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế sử dụng hóa đơn do Bộ Tài chính hoặc do cơ quan được Bộ Tài chính ủy quyền phát hành hoặc hóa đơn tự in được Bộ Tài chính cho phép phát hành theo quy định hiện hành về việc in, phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn.

7. Hàng hóa kinh doanh bán tại cửa hàng miễn thuế là các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, hàng điện máy bán tại cửa hàng miễn thuế phải được dán tem ‘‘VIETNAM DUTY NOT PAID” lên từng mặt hàng.

Tem ‘‘VIETNAM DUTY NOT PAID” do Bộ Tài chính phát hành. Vị trí dán tem đối với từng mặt hàng nêu trên thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Đồng Việt Nam, các đồng ngoại tệ USD, EURO là đồng tiền dùng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế. Theo đó, giá bán được niêm yết trên từng mặt hàng và thực hiện theo tỷ giá của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm niêm yết giá bán.

9. Hải quan không thực hiện niêm phong kho hàng, cửa hàng và không trực tiếp giám sát việc bán hàng.

## II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI THƯƠNG NHÂN KINH DOANH BÁN HÀNG MIỄN THUẾ

### Điều 4. Hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế

1. Thương nhân chỉ được kinh doanh bán hàng miễn thuế khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 2 và khoản 4 Điều 3 Quy chế.

2. Thương nhân phải đảm bảo có hệ thống máy tính nối mạng giữa cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế với Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế (dưới đây gọi tắt là Hải quan) theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Quy chế; cụ thể như sau:

a) Đối với cửa hàng miễn thuế:

- Ngay khi bán hàng, nhân viên bán hàng có trách nhiệm nhập dữ liệu vào máy tính và truyền gửi dữ liệu này qua mạng cho Hải quan các dữ liệu dưới đây:

+ Tên người mua hàng;

+ Số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành;

+ Thẻ lên tàu bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không, gồm nội dung: số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date);

+ Số hiệu vé đã đăng ký ngày xuất cảnh (đối với người chờ xuất cảnh);

+ Tên hàng, số lượng, trị giá.

- Cuối ngày làm việc, nhân viên bán hàng có trách nhiệm truyền gửi dữ liệu qua mạng cho Hải quan về hàng tồn tại cửa hàng (gồm tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá).

b) Đối với kho chứa hàng miễn thuế:

- Ngay khi hàng hóa nhập kho, xuất kho (bao gồm xuất kho lên cửa hàng miễn thuế, xuất kho lên tàu bay) nhân viên quản lý kho có trách nhiệm nhập dữ liệu vào máy và truyền gửi dữ liệu này qua mạng cho Hải quan các dữ liệu dưới đây:

+ Tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị gía;

+ Hàng nhập kho / xuất kho theo tờ khai hải quan số /ngày …tháng … năm ….tại Chi cục Hải quan cửa khẩu …….

- Ngày làm việc cuối cùng của tuần, nhân viên quản lý kho có trách nhiệm truyền gửi dữ liệu qua mạng cho Hải quan về hàng tồn tại kho (gồm tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá).

3. Thương nhân gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố (nơi thương nhân đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế) hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kiểm tra, kiểm soát đối với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế quy định tại khoản 4, Điều 3 Quy chế, hồ sơ đề nghị xác nhận gồm các giấy tờ dưới đây:

- Văn bản đề nghị (kèm sơ đồ mặt bằng): 01 bản chính;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh / Giấy chứng nhận đầu tư: 01 bản sao có công chứng.

4. Cục Hải quan tỉnh, thành phố sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị của thương nhân và kiểm tra thực tế, có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Hải quan kết quả cụ thể để có văn bản xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện kiểm tra, kiểm soát của Hải quan đối với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế mà thương nhân đề nghị.

**Điều 5. Trách nhiệm của thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế**

Ngoài trách nhiệm quy định tại Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau đây:

1. Cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế chỉ được lưu giữ hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan. Từng mặt hàng trong cửa hàng, kho hàng phải được bố trí, sắp xếp phù hợp, tạo thuận lợi cho Hải quan kiểm tra khi cần thiết.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu hoặc trước khi xuất hàng từ kho đưa lên cửa hàng để bán, thương nhân phải chịu trách nhiệm dán tem ‘‘VIETNAM DUTY NOT PAID” lên từng mặt hàng đối với hàng hóa nhập khẩu là các mặt hàng phải dán tem. .

3. Hàng hóa kinh doanh bán hàng miễn thuế quản lý theo chế độ hàng tạm nhập, hàng tạm xuất, do vậy, thương nhân hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa khi làm thủ tục hải quan cũng như khi bán hàng cho các đối tượng mua hàng  theo quy định của pháp luật.

4. Định kỳ hàng tháng, thương nhân phải làm báo cáo bán hàng gửi Hải quan (theo mẫu BCBH ban hành kèm theo Thông tư này) vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo để Hải quan kiểm tra, theo dõi (trừ lùi) và thanh khoản tờ khai nhập khẩu.

5. Trên cơ sở báo cáo hàng tháng, định kỳ 06 tháng và hàng năm, thương nhân báo cáo Tổng cục Hải quan về hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.

## III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HẢI QUAN QUẢN LÝ KINH DOANH BÁN HÀNG MIỄN THUẾ

**Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan**

1. Cơ quan Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế là Chi cục Hải quan (dưới đây gọi tắt là Hải quan) do Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định theo thẩm quyền quy định để giao nhiệm vụ thực hiện quản lý.

2. Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế có trách nhiệm:

a) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế.

b) Thực hiện thanh khoản tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo chế độ hàng tạm nhập, hàng tạm xuất.

c) Căn cứ tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, sổ quản lý theo dõi, báo cáo bán hàng, chứng từ nhập kho, chứng từ xuất kho, chứng từ nhập hàng vào cửa hàng miễn thuế và thực tế hàng hóa tại cửa hàng, kho hàng để thực hiện kiểm tra việc nhập hàng vào kho, xuất hàng ra kho, nhập hàng vào cửa hàng, hàng tồn kho, hàng tồn cửa hàng.

d) Định kỳ hàng tháng, Hải quan thực hiện kiểm tra chứng từ bán hàng của cửa hàng để theo dõi (trừ lùi) và thanh khoản những tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã bán hoặc tái xuất hết số lượng hàng hóa đã nhập khẩu trên tờ khai vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo.

đ) Hải quan quản lý theo dõi mặt hàng nhập khẩu, xuất khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế bằng hình thức mở sổ theo dõi hoặc bằng hình thức theo dõi trên máy tính nối mạng giữa Hải quan với thương nhân..

e) Phối hợp với thương nhân triển khai hệ thống mạng máy tính để tiếp nhận dữ liệu từ thương nhân theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 4 Thông tư này.

g) Quá trình quản lý, theo dõi và thanh khoản tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu nếu phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm thì tuỳ theo tính chất mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

## IV. QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ ĐINH LƯỢNG MUA HÀNG MIỄN THUẾ

**Điều 7. Đối tượng là người xuất cảnh, quá cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế cửa khẩu xuất cảnh quy định tại điểm a, b, khoản 1, Điều 5 và khoản 1, Điều 6 Quy chế**

1. Trước khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định.

b) Thẻ lên tàu bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không (trường hợp này không yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu để kiểm tra).

c) Trường hợp người xuất cảnh mua hàng miễn thuế với tổng trị gía trên mức đồng tiền dùng trong giao dịch phải khai báo hải quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì người xuất cảnh khi mua hàng phải xuất trình với nhân viên bán hàng chứng từ chứng minh nguồn gốc đồng tiền dùng trong giao dịch theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trừ trường hợp người xuất cảnh dùng thẻ để rút tiền tại quầy rút tiền đặt trong khu cách ly xuất cảnh hoặc người xuất cảnh mua hàng miễn thuế và thanh toán bằng thẻ.

2. Khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm thực hiện như sau:

a) Ghi đầy đủ, chính xác các nội dung quy định trên hóa đơn bán hàng. Riêng đối với trường hợp người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không thì ghi bổ sung các nội dung: số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date).

b) Lưu hoá đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).

c) Lưu bản sao chứng từ chứng minh nguồn gốc đồng tiền dùng trong giao dịch theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có).

3. Thương nhân được sử dụng hàng miễn thuế để chế biến, bán lẻ tại các nhà hàng, phòng chờ trong khu vực cách ly sân bay quốc tế để phục vụ nhu cầu tại chỗ cho khách chờ xuất cảnh, quá cảnh.

Riêng hóa đơn bán hàng: tại dòng tên người mua hàng ghi “hàng bán lẻ”, không phải ghi các thông tin về số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date), các thông tin khác trên hóa đơn phải ghi đầy đủ theo quy định.

4. Trường hợp khách du lịch theo Đoàn bằng đường biển trong ngày, có hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định nhưng  không có thị thực nhập cảnh, không có tờ khai nhập cảnh / xuất cảnh nếu mua hàng miễn thuế thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này, riêng trên hóa đơn bán hàng ghi bổ sung tên tàu biển. Nhân viên cửa hàng chịu trách nhiệm giao hàng cho khách du lịch ngay sau khi khách du lịch hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

**Điều 8. Đối tượng là người chờ xuất cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 và khoản 1, Điều 6 Quy chế**

1. Trước khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu hợp lệ.

b) Vé đã đăng ký ngày xuất cảnh.

2. Khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm thực hiện như sau:

a) Ghi đầy đủ, chính xác các nội dung quy định trên hóa đơn bán hàng (gồm 03 liên); trên hóa đơn bán hàng phải có chữ ký của người mua hàng;

b) Đối với hàng hóa nhỏ lẻ thì đưa hàng hóa, hóa đơn bán hàng (02 liên) vào túi nylon chuyên dụng và niêm phong túi (dùng niêm phong của cửa hàng);

c) Giao túi hàng cho người mua tự bảo quản và người mua có trách nhiệm xuất trình cho Hải quan cửa khẩu nơi người mua xuất cảnh;